UBND HUYỆN PHONG THỔ **THANH TRA HUYỆN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03 /KL-TTr	*Phong Thổ, ngày 18 tháng 9 năm 2023*

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra việc quản lý thu, chi ngân sách và các nguồn thu khác tại UBND xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ

Thời kỳ thanh tra: Niên độ ngân sách năm 2021 - 2022

Thực hiện Quyết định số 12/QĐ-TTr ngày 05/7/2023 của Chánh Thanh tra huyện Phong Thổ về việc thanh tra việc quản lý thu, chi ngân sách và các nguồn thu khác tại UBND xã Nậm Xe và UBND xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ, từ ngày 11/7/2023 đến ngày 21/8/2023, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại UBND xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 08/9/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra huyện Phong Thổ kết luận thanh tra như sau:

A - KHÁI QUÁT CHUNG

I. Đặc điểm tình hình

Nậm Xe là xã vùng cao Biên giới, có đường Biên giới Quốc gia giáp với Trung Quốc 2,437 km, có tổng diện tích tự nhiên 10.275,67 ha, địa hình chia cắt chủ yếu là đồi núi cao và nhiều khe suối nhỏ. Toàn xã có 17 bản, 1.470 hộ với 6.987 nhân khẩu, gồm 5 dân tộc cùng sinh sống, dân cư phân bố giải rác không tập trung, bản xa nhất cách trung tâm xã khoảng 15 km.

II. Thuận lợi, khó khăn chung

1. Thuận lợi

Công tác tài chính, ngân sách của xã luôn được sự quan tâm của UBND huyện và các phòng ban chuyên môn có liên quan luôn tạo điều kiện thuận lợi; có sự quan tâm lãnh đạo của Đảng uỷ - HĐND, sự lãnh đạo, điều hành của UBND xã, có sự phối hợp với các ban ngành đoàn thể trong công tác quản lý thu chi ngân sách. Công chức kế toán có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong công tác.

2. Khó khăn

Nậm Xe thuộc xã vùng cao biên giới, có địa hình và thời tiết diễn biến phức tạp, địa bàn dân cư không tập trung, giao thông đi lại còn gặp khó khăn. Bộ máy cán bộ công chức chưa thực sự ổn định; một số công chức chưa được sắp xếp đúng chuyên môn nghiệp vụ *(như công chức địa chính - xây dựng chuyên ngành địa chính - đất đai)* nên ảnh hưởng không nhỏ đến việc tham mưu thực hiện nhiệm vụ.

Cơ sở hạ tầng còn gặp nhiều khó khăn, ngân sách đầu tư chủ yếu phụ thuộc vào sự hỗ trợ của ngân sách cấp trên. Trình độ dân trí cơ bản còn thấp nên việc triển khai, tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đến nhân dân còn gặp khó khăn.

B - KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Công tác lập dự toán

UBND xã thực hiện lập dự toán thu, chi ngân sách năm 2021, 2022 theo biểu mẫu quy định tại Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016; thực hiện thuyết minh chi tiết dự toán chi ngân sách. Tổng nhu cầu thu, chi ngân sách năm 2021 là 15.546,699 triệu đồng, trong đó thu ngân sách trên địa bàn là 10 triệu đồng; năm 2022 là 9.661 triệu đồng, trong đó thu ngân sách trên địa bàn là 10 triệu đồng.

II. Phân bổ, điều chỉnh dự toán và công khai ngân sách nhà nước

1. Về phân bổ và điều chỉnh dự toán

- Năm 2021: UBND xã được UBND huyện giao thu, chi ngân sách tại các quyết định[1] với tổng dự toán thu, chi ngân sách *(cả điều chỉnh, bổ sung)* là 8.573.535.000 đồng. UBND xã lập phương án phân bổ trình HĐND xã phê duyệt; quyết định[2] giao dự toán thu, chi cho các ban, ngành, đoàn thể xã *(cả phần điều chỉnh, bổ sung, chuyển nguồn ngân sách):*

+ Tổng thu ngân sách: 8.627.144.830 đồng, gồm: Thu ngân sách trên địa bàn xã là 15.000.000 đồng; Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là 8.558.535.000 triệu đồng; Thu chuyển nguồn năm trước là 53.609.830 đồng.

+ Tổng chi ngân sách: 8.609.478.494 đồng, gồm: chi trong cân đối là 7.176.943.494 đồng; chi có mục tiêu là 1.432.535.000 đồng.

- Năm 2022: UBND xã được UBND huyện giao thu, chi ngân sách tại các quyết định[3] với tổng dự toán thu, chi ngân sách *(cả điều chỉnh, bổ sung)* là 10.246.582.000 đồng; UBND xã lập phương án phân bổ trình HĐND xã phê duyệt; quyết định[4] giao dự toán thu, chi cho các ban, ngành, đoàn thể *(cả phần điều chỉnh, bổ sung, chuyển nguồn):*

---

1. Quyết định số 4638/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 giao dự toán thu, chi ngân sách 8.115 triệu đồng (chưa bố trí 800 triệu đồng); Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 giao bổ sung 198 triệu đồng; Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 giao bổ sung 200 triệu đồng; Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 giao bổ sung 190 triệu đồng; Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 điều chỉnh giảm 8 triệu đồng (giữ lại tại KBNN); Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 giao bổ sung 250 triệu đồng; Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 giao bổ sung 183 triệu đồng; Quyết định số 4557/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 bổ sung 92,948 triệu đồng; Quyết định 4558/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 bổ sung 134,587 triệu đồng.

2. Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 giao dự toán thu, chi ngân sách 8.115 triệu đồng (chưa bố trí 800 triệu đồng); Quyết định 54/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 phân bổ 198 triệu đồng; Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 phân bổ 190 triệu đồng; Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 phân bổ 200 triệu đồng; Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 giảm chi 8 triệu đồng (giữ lại tại KBNN); Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 phân bổ 250 triệu đồng; Quyết định 125/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 phân bổ 183 triệu đồng; Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 phân bổ nguồn tăng thu ngân sách xã 35,943 triệu đồng; Quyết định số 178/QD-UBND ngày 28/12/2021 phân bổ 237,535 triệu đồng.

3. Các Quyết định: Số 4368/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 giao dự toán thu, chi ngân sách 7.176 triệu đồng; Số 1128/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 bổ sung dự toán 26,413 triệu đồng; Số 2921/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 giao bổ sung ngân sách 1.736 triệu đồng; Số 2926/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 giao bổ sung ngân sách 526,68 triệu đồng; Số 3139/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 giao bổ sung ngân sách 161,989 triệu đồng; Số 3289/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 giao bổ sung ngân sách 95,5 triệu đồng; Số 3490/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 giao bổ sung ngân sách 524 triệu đồng.

4. Các Quyết định: Số 182 ngày 30/12/2021 giao dự toán thu - chi ngân sách 7.176 triệu đồng; Số 149 ngày 01/6/2022 giao bổ sung dự toán 26,413 triệu đồng; Số 204 ngày 03/11/2022 giao bổ sung ngân sách 526,68 triệu đồng; Số 208 ngày 09/11/2022 giao bổ sung ngân sách 1.736 triệu đồng; Số 209 ngày 05/12/2022 giao bổ sung ngân sách 161,989 triệu đồng; Số 216 ngày 23/12/2022 giao bổ sung ngân sách 95,5 triệu đồng; Số 223/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 giao bổ sung ngân sách 524 triệu đồng.

+ Tổng dự toán thu ngân sách: 10.362.604.875 đồng, gồm: Thu ngân sách trên địa bàn xã là 15.000.000 đồng; Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là 10.231.582.000 đồng; Thu chuyển nguồn năm trước là 116.022.875 đồng.

+ Tổng dự toán chi ngân sách: 10.246.582.000 đồng, gồm: chi thường xuyên là 7.176.000.000 đồng; chi có mục tiêu, MTQG là 3.070.582.000 đồng.

2. Về công khai dự toán ngân sách

Năm 2021, 2022 UBND xã ban hành các quyết định[5] công khai: dự toán ngân sách, dự toán bổ sung ngân sách; thu, chi ngân sách 04 quí. Tuy nhiên, UBND xã chưa thực hiện công khai: số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng, năm; quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác ở xã đã được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn theo quy định tại Điều 15 Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016.

II. Việc chấp hành dự toán và quyết toán thu, chi NSNN

1. Về thu ngân sách

1.1. Năm 2021:

- Tổng quyết toán thu ngân sách xã: 8.307.300.780 đồng *(Trong đó: thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp 37.662.775 đồng; thu chuyển nguồn năm trước sang 41.943.494 đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 8.227.694.511 đồng).*

- Số liệu quyết toán thu phí, lệ phí 6.526.000 đồng; kết quả kiểm tra như sau:

+ Số phí chứng thực thu được là 7.169.000 đồng; Số phí đã thu nộp ngân sách nhà nước là 6.201.000 đồng; số phí chưa nộp ngân sách nhà nước là 1.148.000 đồng.

+ Số phí thu phí hộ tịch thu được là 1.071.000 đồng; Số phí nộp ngân sách nhà nước là 505.000 đồng; số phí đã thu chưa được nộp NSNN là 566.000 đồng.

1.2. Năm 2022:

- Tổng quyết toán thu ngân sách xã: 10.216.846.366 đồng *(Trong đó: thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp 16.560.366 đồng; thu chuyển nguồn năm trước sang 116.022.875 đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 10.084.263.125 đồng).*

- Số liệu quyết toán thu phí, lệ phí 10.395.000 đồng; kết quả kiểm tra như sau:

---

5. Năm 2021: Công bố công khai dự toán bổ sung tại các Quyết định: Số 57/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 (198 triệu đồng); Số 77/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 (790 triệu đồng); Số 126/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 (183 triệu đồng); Số 128/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 (250triệu đồng); Số 178/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 (237,535 triệu đồng); Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 về công khai điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2021 (giảm 8triệu đồng); Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 công khai dự toán ngân sách năm 2021; Quyết định 58/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 công khai thu, chi ngân sách quý I; Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 công khai thu, chi ngân sách quí II; Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 10/10/2021 công khai thu, chi ngân sách quí III; Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 công khai thu, chi ngân sách quí IV.

- Năm 2022: Công bố công khai dự toán bổ sung tại các Quyết định: Số 152/QĐ-UBND ngày 02/6 (26,413triệu đồng); Số 156/QĐ-UBND ngày 17/8 (300triệu đồng); Số 209/QĐ-UBND ngày 09/11 (1.736triệu đồng); Số 210/QĐ-UBND ngày 05/12 (161,989triệu đồng); số 217/QĐ-UBND ngày 23/12 (95,5triệu đồng); Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 công khai dự toán ngân sách năm 2022; Quyết định 115/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 công khai thu, chi ngân sách quý I; Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 công khai thu, chi ngân sách quí II; Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 10/10/2021 công khai thu, chi ngân sách quí III; Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 công khai thu, chi ngân sách quí IV.

+ Số phí chứng thực thu được là 8.084.000 đồng; Số phí đã thu nộp ngân sách nhà nước là 8.498.000 đồng. Như vậy số phí nộp NSNN vượt là 414.000 đồng.

+ Số phí thu phí hộ tịch thu được là 1.357.000 đồng; Số phí nộp ngân sách nhà nước là 1.897.000 đồng. Như vậy số phí nộp NSNN vượt là 540.000 đồng.

2. Về chi ngân sách

- Năm 2021: Tổng quyết toán chi ngân sách xã: 8.307.300.780 đồng *(Trong đó: chi đầu tư phát triển là 850.000.000 đồng; chi thường xuyên là 6.401.084.905 đồng; chi chương trình có mục tiêu là 940.193.000 đồng; chi chuyển nguồn sang năm sau là 116.022.875 đồng).* Số liệu quyết toán thu, chi đã được HĐND xã phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 và được Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm định tại Thông báo số 49/TBTĐ-TCKH ngày 28/6/2022.

- Năm 2022: Tổng quyết toán chi ngân sách xã: 10.216.846.366 đồng *(Trong đó: chi thường xuyên là 6.780.028.915 đồng; chi chương trình mục tiêu, mục tiêu quốc gia là 3.236.038.985 đồng; chi chuyển nguồn sang năm sau là 200.778.466 đồng).* Tại thời điểm thanh tra, số liệu quyết toán thu, chi đã được HĐND xã phê chuẩn tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 27/6/2023 nhưng chưa được Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm định.

3. Kết quả kiểm tra, xác minh việc thực hiện chi ngân sách

- Đoàn Thanh tra không thực hiện kiểm tra, xác minh công tác thu, chi tài chính Đảng *(kể cả kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ)* do UBND xã Nậm Xe đã được UBKT Huyện ủy kiểm tra, giám sát.

- Chứng từ chi ngân sách được sắp xếp gọn gàng, khoa học; các nội dung chi cơ bản được hạch toán đúng mục lục ngân sách và phản ánh đầy đủ vào sổ sách kế toán. Tuy nhiên, UBND xã chưa nghiêm túc chấp hành việc thanh toán không dùng tiền mặt khi toán một số nội dung chi cho cán bộ, công chức xã như: thanh toán tiền xây dựng quy trình ISO cho 05 công chức xã; chi thù lao cho báo cáo viên tuyên truyền hòa giải; một số chế độ cuộc họp, thẩm tra báo cáo của HĐND theo nghị quyết 45/2016/NQ-HĐND…; chi hỗ trợ các tổ chức, đơn vị ngoài ngân sách đóng trên địa bàn xã chưa thực hiện bố trí dự toán từ đầu năm; chưa thực hiện theo hình thức lệnh chi tiền quy định tại Khoản 1 Điều 19 Thông tư 342/2016/TT-BTC và phải hạch toán vào Chương 860 Loại 400 Khoản 411, như: Chi hỗ trợ kỉ niệm ngành đối với Trạm y tế xã, Đồn Biên phòng xã; Chi hỗ trợ ngày khai giảng cho các trường đóng trên địa bàn xã; Chi hỗ trợ trường THPT Mường So tổ chức kì thi tốt nghiệp THPT quốc gia…

3.1. Về chi hỗ trợ công tác hòa giải cơ sở theo Nghị quyết số 118/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của HĐND tỉnh Lai Châu:

- Năm 2021: Dự toán được giao là 32.000.000 đồng; rút dự toán chi tiền mặt là 31.660.000 đồng *(Trong đó: chi hỗ trợ 17 tổ hòa giải thôn bản là 20.400.000 đồng tương đương mức hỗ trợ 1,2 triệu đồng/tổ; chi thù lao cho các hòa giải viên là 5.500.000 đồng; chi thù lao cho báo cáo viên tuyên truyền xã là 5.760.000 đồng).* Kiểm tra chứng từ thu, chi được lập đầy đủ; danh sách chi hỗ trợ có đầy đủ chữ ký nhận tiền của người thụ hưởng; các khoản chi đảm bảo đúng định mức.

- Năm 2022: Dự toán được giao là 54.000.000 đồng; kinh phí đã sử dụng *(theo hình thức rút chi tiền mặt)* là 36.360.000 đồng *(Trong đó: chi hỗ trợ 17 tổ hòa giải thôn bản là 20.400.000 đồng tương đương mức hỗ trợ 1,2 triệu đồng/tổ; chi thù lao cho các hòa giải viên là 5.400.000 đồng; chi thù lao cho báo cáo viên tuyên truyền xã là 10.560.000 đồng)*. Kiểm tra chứng từ thu, chi được lập đầy đủ; danh sách chi hỗ trợ có đầy đủ chữ ký nhận tiền của người thụ hưởng; các khoản chi đảm bảo đúng định mức.

Kiểm tra thực tế 10/17 tổ hòa giải được nhận đầy đủ số tiền theo chứng từ chi. Tuy nhiên, rút tiền mặt chi thù lao cho báo cáo viên là cán bộ, công chức xã là chưa đảm bảo quy định về thanh toán không dùng tiền mặt.

3.2. Về chi cho công tác bầu cử ĐBHĐND các cấp nhiệm kì 2021-2026:

- Năm 2021: Dự toán được sử dụng là 254.566.000 đồng; số kinh phí đã sử dụng là 254.566.000 đồng *(Trong đó: Chi bồi dưỡng cho người trực tiếp tham gia phục vụ công tác bầu cử là 150.790.000 đồng; chi bồi dưỡng các cuộc họp là 42.200.000 đồng; chi tổng kết, khen thưởng công tác bầu cử là 19.147.000 đồng; chi mua văn phòng phẩm là 34.429.000 đồng; chi tuyên truyền là 8.000.000 đồng)*. Kiểm tra chứng từ thu, chi, hóa đơn mua bán được lập đầy đủ; các chứng từ chi tiền mặt có đầy đủ chữ ký nhận tiền của người thụ hưởng. Tuy nhiên, một số nội dung chi cho cán bộ, công chức xã, giáo viên, nhân viên y tế…chưa thực hiện nghiêm túc việc thanh toán không dùng tiền mặt.

3.3. Kinh phí thực hiện Nghị quyết 14/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Lai Châu:

3.3.1. Chi hỗ trợ cho người làm việc trực tiếp tại thôn bản:

- Năm 2021 được giao 221.000.000đồng; kinh phí thực hiện 156.000.000đồng.
- Năm 2022 được giao 221.000.000đồng; kinh phí thực hiện 210.750.000đồng.

Kiểm tra chứng từ thu, chi được lập đầy đủ, đơn vị chi tiền mặt thanh toán trực tiếp cho 17 trưởng bản, các trưởng bản nhận tiền về chi trả cho người trực tiếp làm việc tại thôn, bản. Trong đó có 17/17 bản có danh sách chi trả tiền cho người trực tiếp làm việc tại thôn bản có chữ ký nhận tiền của từng cá nhân *(kèm bảng chấm công, biên bản làm việc)*. Mức hỗ trợ cho từng bản không vượt định mức quy định tại tiết a Khoản 7 Điều 1 Nghị quyết 14/2020/NQ-HĐND tỉnh Lai Châu. Xác minh thực tế đối với 10/17 trưởng bản, chính sách được chi trả đầy đủ.

3.3.2. Khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã:

- Năn 2021 được giao 22.000.000 đồng; kinh phí đã sử dụng 21.920.000 đồng.
- Năm 2022 được giao 22.000.000 đồng; kinh phí đã sử dụng 21.880.000 đồng.

Kiểm tra chứng từ thu, chi được lập đầy đủ, đơn vị lập danh sách chi tiền mặt cho 05 hội *(gồm: phụ nữ, đoàn thanh niên, cựu chiến binh, nông dân, MTTQ)*. Nội dung chi nước uống tại các hội nghị giao ban, sơ tổng kết trong năm.

3.4. Chi chúc thọ, mừng thọ theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Lai Châu:

- Năm 2021: Dự toán được giao là 16.100.000 đồng; kinh phí đã thực hiện là 16.100.000 đồng. Đơn vị chi tiền mặt thanh toán trực tiếp cho 42 người cao tuổi theo các

độ tuổi 70, 75, 80 và 85 tổng số tiền là 9.800.000 đồng; trao quà hiện vật giá trị 150.000 đồng cho 42 người tổng số tiền là 6.300.000 đồng.

- Năm 2022: Dự toán được giao là 18.000.000 đồng; kinh phí đã thực hiện là 10.350.000 đồng. Đơn vị chi tiền mặt thanh toán trực tiếp cho 27 người cao tuổi theo các độ tuổi 70, 75, 80 với số tiền là 6.300.000 đồng; trao quà hiện vật giá trị 150.000 đồng cho 27 người tổng số tiền là 4.050.000 đồng.

Kiểm tra chứng từ thu, chi được lập đầy đủ, có đầy đủ chữ ký nhận tiền, nhận quà của người thụ hưởng, mức hỗ trợ không vượt định mức quy định.

3.5. Chi hỗ trợ UBMT tổ quốc cấp xã và Ban công tác mặt trận ở khu dân cư theo Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND tỉnh Lai Châu:

- Năm 2021: Dự toán được giao là 112.000.000 đồng; số báo cáo quyết toán là 112.000.000 đồng. Số chi thực tế là 112.000.000 đồng, trong đó:

+ Hỗ trợ đối với 17 Ban công tác Mặt trận khu dân cư 86.500.000 đồng *(Trong đó: hỗ trợ 12 bản có dưới 100 hộ là 48.000.000 đồng; hỗ trợ 5 bản có trên 100 hộ đến dưới 300 hộ 22.500.000 đồng; hỗ trợ 16 bản đặc biệt khó khăn 16.000.000 đồng);*

+ Hỗ trợ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã 25.500.000 đồng *(Trong đó: in ấn giấy chứng nhận, maket, băng rôn tuyên truyền là 17.340.000 đồng; hội nghị tổng kết công tác là 3.060.000 đồng; khen thưởng 34 hộ gia đình là 5.100.000 đồng).*

- Năm 2022: Dự toán được giao là 112.000.000 đồng; số báo cáo quyết toán là là 112.000.000 đồng. Số chi thực tế là 111.487.000 đồng, trong đó:

+ Hỗ trợ đối với 17 Ban công tác Mặt trận khu dân cư là 86.500.000 đồng *(Trong đó: hỗ trợ 12 bản có dưới 100 hộ là 48.000.000 đồng; hỗ trợ 5 bản có trên 100 hộ đến dưới 300 hộ là 22.500.000 đồng; hỗ trợ 16 bản đặc biệt khó khăn 16.000.000 đồng).* Xác minh thực tế đối với 10/17 trưởng bản, chính sách được chi trả đầy đủ.

+ Hỗ trợ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã là 24.987.000 đồng *(Trong đó: in ấn giấy chứng nhận, maket, băng rôn tuyên truyền là 18.867.000 đồng; hội nghị là 6.120.000 đồng).*

Kiểm tra chứng từ thu, chi được lập đầy đủ, đơn vị rút dự toán chi tiền mặt đảm bảo đúng định mức quy định tại Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND và Thông tư số 121/2017/TT-BTC; xác minh thực tế 10/17 trưởng bản, chính sách được chi trả đầy đủ.

3.6. Chi hỗ trợ các hộ gia đình khó khăn sửa chữa nhà ở do bị thiên tai năm 2020:

- Năm 2021: Dự toán được giao là 358.000.000 đồng. UBND xã thực hiện hỗ trợ 02 đợt, Trong đó: đợt 1 hỗ trợ 16 hộ với mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/hộ; đợt 2 hỗ trợ 36 hộ với mức hỗ trợ 5.000.000 đồng/hộ và 03 hộ với mức 6.000.000 đồng/hộ. Mức hỗ trợ bằng mức hỗ trợ đã được UBND huyện phê duyệt chi tiết[6]. Kiểm tra chứng từ thu, chi được lập đầy đủ, đơn vị rút dự toán chi tiền mặt hỗ trợ trực tiếp cho các hộ gia đình *(danh*

---

6. Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND huyện Phong Thổ; Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của UBND huyện Phong Thổ.

sách chi có đầy đủ chữ ký, dấu vân tay xác nhận nhận tiền của các hộ gia đình và xác nhận của Đảng ủy xã, MTTQ xã và HĐND xã).

3.7. Chi dự phòng ngân sách xã:

- Năm 2021: Kinh phí dự phòng ngân sách xã được HĐND xã phân bổ là 120.000.000 đồng tại Nghị quyết 92/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 *(chưa phân bổ chi tiết theo nhiệm vụ)*. UBND xã thực hiện chi tổng số tiền là 60.714.000 đồng với các nhiệm vụ: Chi mua nước sát khuẩn, khẩu trang y tế, găng tay y tế phục vụ công tác bầu cử là 10.730.000 đồng; chi hỗ trợ lao động mất việc làm vì dịch bệnh là 1.500.000 đồng; chi hỗ trợ di dời dân ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở là 30.000.000 đồng; chi hỗ trợ nạo vét thủy lợi Vàng Thẳm là 18.484.000 đồng.

- Năm 2022: Kinh phí dự phòng ngân sách xã được HĐND xã phân bổ là 140.000.000 đồng tại Nghị quyết 18/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 *(chưa phân bổ chi tiết theo nhiệm vụ)*. UBND xã thực hiện chi với tổng số tiền là 108.900.000 đồng cho các nhiệm vụ: Chi hỗ trợ mai táng phí do hỏa hoạn là 18 triệu đồng; chi hỗ trợ mai táng phí do đuối nước là 18 triệu đồng; chi hỗ trợ nhà ở do hỏa hoạn là 40 triệu đồng; hỗ trợ mua đồ dùng phục vụ công tác phòng chống dịch Covid là 32,9 triệu đồng.

Kiểm tra chứng từ thu, chi được lập đầy đủ, có đầy đủ hóa đơn mua vật tư, danh sách chi tiền có đầy đủ chữ ký nhận tiền và xác nhận của đại diện Đảng ủy, HĐND xã. Việc thực hiện nguồn kinh phí dự phòng đảm bảo quy định hiện hành.

3.8. Chi mua sắm tập trung:

- Năm 2021: Dự toán được giao là 174.000.000 đồng *(mua máy vi tính để bàn; máy vi tính xách tay; máy in; máy photo; tủ tài liệu)*. Đơn vị đã thực hiện mua sắm tập trung gồm 04 máy vi tính để bàn, 01 máy tính xách tay, 03 máy in, 01 máy phô tô, 03 tủ tài liệu với tổng giá trị thanh quyết toán là 173.800.000 đồng. Kiểm tra hồ sơ có đầy đủ: Quyết định phê duyệt KQLCNT và thông báo trúng thầu do Trung tâm tư vấn dịch vụ tài chính Sở Tài chính tỉnh phê duyệt; hợp đồng mua sắm tài sản ngày 24/5/2021; Bảng xác định khối lượng công việc hoàn thành; Biên bản thanh lý hợp đồng; hóa đơn GTGT; giấy rút dự toán. Tài sản sau khi nhận bàn giao từ nhà thầu được UBND xã bàn giao cho người sử dụng là cán bộ, công chức thuộc UBND xã và Đảng, đoàn thể xã *(có danh sách ký nhận tài sản đưa vào sử dụng)*.

- Năm 2022: Dự toán được giao là 55.000.000 đồng *(mua máy vi tính để bàn; máy vi tính xách tay; máy in)*. Đơn vị đã thực hiện mua sắm tập trung gồm: 02 máy vi tính để bàn, 01 máy tính xách tay, 01 máy in với tổng giá trị thanh quyết toán là 55.000.000 đồng. Kiểm tra hồ sơ có đầy đủ: Các văn bản do Trung Quyết định phê duyệt[7]; Hợp đồng mua sắm tài sản ngày 28/6/2022; biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản; bảng xác định khối lượng công việc hoàn thành; hóa đơn GTGT; giấy rút dự toán.

Kiểm tra thực tế cơ bản đúng, đủ số lượng, chủng loại.

---

7. Quyết định số 25/QĐ-TrT ngày 14/6/2022 về phê duyệt kết quả LCNT; Thảo thuận khung mua sắm tập trung số 27/2022/TTKMSTT; Thông báo số 28/TB-TrT ngày 15/6/2022 về thông báo nhà thầu cung cấp tài sản MSTT năm 2022.

3.9. Chi hỗ trợ đội văn nghệ thôn bản:

- Năm 2021: Dự toán được giao là 28.000.000 đồng. Số thực hiện là 28.000.000 đồng. UBND xã thực hiện rút tiền mặt chi hỗ trợ trực tiếp cho 14 đội văn nghệ[8] thuộc 11 bản. Kiểm tra chứng từ thu, chi được lập đầy đủ, số tiền được đại diện đội văn nghệ kí nhận và lập bản cam kết thực hiện các nội dung chi *(chè nước, son phấn, thuê trang phục...phục vụ biểu diễn).*

- Năm 2022: Dự toán được giao là 32.000.000 đồng. Số thực hiện là 32.000.000 đồng. UBND xã thực hiện rút tiền mặt chi hỗ trợ trực tiếp cho 16 đội văn nghệ[9] thuộc 11 bản. Kiểm tra chứng từ thu, chi được lập đầy đủ, số tiền được đại diện đội văn nghệ mua dụng cụ hóa trang, biểu diễn; đàn tính tẩu... *(có kèm 16 hóa đơn mua hàng của 16 đội văn nghệ).*

3.10. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 của HĐND tỉnh Lai Châu:

- Năm 2022: Dự toán được giao là 100.000.000 đồng. Kinh phí thực hiện là 66.640.000 đồng, trong đó: Chi làm 18 biển bảng tuyên truyền vệ sinh môi trường là 61.200.000 đồng *(tại 02 hóa đơn mua hàng số 00000248 ngày 21/12 và 00000256 ngày 26/12)*; chi thù lao báo cáo viên tuyên truyền là 5.440.000 đồng. Kiểm tra chứng từ thu, chi được lập đầy đủ, có đầy đủ hóa đơn mua hàng, biên bản bàn giao cho các bản, biên bản tổ chức tuyên truyền, bảng kê thanh toán có đầy đủ chữ ký nhận tiền. Kiểm tra thực tế tại 03 bản, biển bảng tuyên truyền làm đúng quy cách, chủng loại theo chứng từ.

3.11. Chi lương và hoạt động thường xuyên khác:

- Năm 2021: Chi phô tô hồ sơ 08 công trình, dự án do xã làm chủ đầu tư *(tại GRDT số 29T12 ngày 15/12, kèm hóa đơn số 0017876 ngày 19/3/2021)*, số tiền 5.040.000 đồng. Chi sai nguồn kinh phí, nội dung này được hạch toán vào nguồn chi phí quản lý dự án các công trình. Giảm số tiền 5.040.000 đồng.

+ Chi tiền xăng xe, tiền ăn cho 10 công dân tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự, số tiền là 4.250.000 đồng tại GRDT số 10T12 ngày 28/12/2021. Chi sai chế độ, do nội dung này đã được Ban CHQS huyện đảm bảo kinh phí theo Kế hoạch số 47 và 48/KH-HĐNVQS ngày 09/11/2021 của HĐNV Quân sự huyện Phong Thổ và quy định tại Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016. Giảm số tiền 4.250.000 đồng.

- Năm 2022: Chi hỗ trợ tiền xăng xe, tiền ăn cho công dân đi khám tuyển nghĩa vụ quân sự tại GRDT số 04T12 ngày 14/12/2022, số tiền là 6.890.000 đồng. Không có quyết định giao chỉ tiêu của cấp có thẩm quyền; khoản chi này được Ban chỉ huy quân sự huyện đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ. Giảm số tiền 6.890.000 đồng.

---

8. Bản Huổi Hán: 02 đội; Bản Mấn 2: 01 đội; Bản Dền Thàng: 01 đội; Bản Mỏ: 01 đội; Bản Hoàng Liên Sơn 1: 01 đội; Bản Nậm Xe: 01 đội; Bản Mấn 1: 02 đội; Bản Po Chà: 02 đội; Bản Vàng Thẳm: 01 đội; Bản Van Hồ: 01 đội; Bản Pà Chải: 01 đội.

9. Bản Huổi Hán - 02 đội; Bản Mấn 2: 01 đội; Bản Dền Thàng: 01 đội; Bản Mỏ; 01 đội; Bản Hoàng Liên Sơn 1: 01 đội; Bản Nậm Xe: 01 đội; Bản Mấn 1: 02 đội; Bản Po Chà: 02 đội; Bản Vàng Thẳm: 01 đội; Bản Van Hồ 2: 02 đội; Bản Pà Chải: 01 đội; Bản Hoàng Liên Sơn 2: 01 đội.

3.12. Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2022:

- Danh mục đầu tư gồm 04 công trình[10].

- Tổng dự toán phê duyệt: 1.785.676.000 đồng (trong đó: Nhà nước hỗ trợ 1.735.676.000 đồng; nhân dân đóng góp tương đương 50.000.000 đồng).

- Kế hoạch vốn giao: 1.736.000.000 đồng.

- Tổng kế hoạch vốn đã giải ngân, thanh toán: 1.653.676.000 đồng.

- Kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân: 82.324.000 đồng.

* Đánh giá chung:

- UBND xã Nậm Xe thực hiện quy trình lựa chọn nhà chưa đúng quy định tại Điều 17 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương MTQG.

- Đến hết năm 2022, UBND xã Nậm Xe tổ chức nghiệm thu hoàn thành 04 công trình đưa công trình vào sử dụng, nhưng đến thời điểm thanh tra UBND xã chưa lập Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

(1) Công trình: Xây mới nhà văn hóa Bản Ngài Trò, xã Nậm Xe:

- Tổng dự toán phê duyệt: 250.000.000 đồng (Trong đó: Nhà nước hỗ trợ 200.000.000 đồng; nhân dân đóng góp giá trị tương đương 50.000.000 đồng).

- Kế hoạch vốn giao: 200.000.000 đồng.

- Tổng kế hoạch vốn đã giải ngân, thanh toán: 200.000.000 đồng.

- Chênh lệch giảm giá trị khối lượng đã thanh toán: 4.610.530 đồng.

Nguyên nhân chênh lệch: Đơn giá thanh toán phần nhân công và máy thi công có tính thuế VAT là chưa đúng theo quy định đối với công trình do tổ thợ thi công.

- Kiểm tra thực tế: Kích thước mặt bậc tam cấp hiện trạng rộng 0,5m/0,6m theo thiết kế; không xây phần tường ngoài hiên trục 1 và trục 5 có chiều dài 0,6m. Tại thời điểm kiểm tra phía trong nhà phần góc tường nhà có dấu hiệu bị thấm nước ở tường.

(2) Công trình: Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa Bản Hoàng Liên Sơn 2:

- Tổng dự toán phê duyệt: 99.842.000 đồng.

- Kế hoạch vốn giao: 100.000.000 đồng.

- Tổng kế hoạch vốn đã giải ngân, thanh toán: 99.842.000 đồng.

- Chênh lệch giảm giá trị khối lượng đã thanh toán: 8.760.140 đồng.

Nguyên nhân chênh lệch: UBND xã thanh toán thừa một số khối lượng gồm: trần nhà, tháo lắp cửa, trát tường; giảm trừ giá trị thu nhập chịu thế tính trước[11].

---

[10]. - Công trình: Xây mới nhà văn hóa Bản Ngài Trồ, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ.

- Công trình: Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa Bản Hoàng Liên Sơn 2, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ.

- Công trình: Nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa Bản Van Hồ 2, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ.

- Công trình: Nâng cấp, sửa chữa đường nội đồng Bản Huổi Hán, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ.

[11]. Theo Công văn số 1028/SXD-QLXD ngày 15/8/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu về việc hướng dẫn về tiêu chí lựa chọn, cách thức áp dụng, triển khai đối với các dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu thì: Chi phí xây dựng tính theo khối lượng và đơn giá xây dựng chi tiết không đầy đủ của công trình được xác định và tổng hợp theo Bảng 2.1.

(3) Công trình: Nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa Bản Van Hồ 2, xã Nậm Xe:

- Tổng dự toán phê duyệt: 99.834.000 đồng.

- Kế hoạch vốn giao: 100.000.000 đồng.

- Tổng kế hoạch vốn đã giải ngân, thanh toán: 99.834.000 đồng.

(4) Công trình: Nâng cấp, sửa chữa đường nội đồng Bản Huổi Hán:

- Tổng dự toán phê duyệt: 1.336.000.000 đồng.

- Tổng kế hoạch vốn giao năm 2022: 1.336.000.000 đồng.

- Tổng kế hoạch vốn đã giải ngân, thanh toán: 1.254.000.000 đồng.

- Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân: 82.000.000 đồng.

- Giá trị chênh lệch giảm phần khối lượng đã thanh toán: 20.505.825 đồng.

Nguyên nhân chênh lệch: Thanh toán thừa khối lượng rãnh chịu lực; khối lượng bê tông móng cống, ống cống hộp.

- Kiểm tra hiện trạng thực tế một số hạng mục công trình như sau:

+ Chiều dài mặt đường 1.340m/thiết kế 1.340m[12]; mặt đường mở rộng tại điểm tránh có diện tích 37,5m2; chiều rộng mặt đường toàn tuyến trung bình 3,0m; kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng, chiều dày trung bình 16cm, khe nối có nhựa đường. Chất lượng mặt đường không cao, một số vị trí có dấu hiệu bị bong tróc.

+ Rãnh chịu lực có đậy tấm nắp bằng BTCT: Đoạn 1 dài 51m[13]/thiết kế 51m; đoạn 2 chiều dài thiếu 8m.

+ Hố ga 01 cái (tại vị trí cuối rãnh chịu lực): Kết cấu bằng BTCT.

+ Cống hộp 01 cái: Kết cấu bằng bê tông và bê tông cốt thép. Tổng chiều dài hai đầu mũ tường cống 8,5m; mặt cắt ống cống trung bình 1,9-2m; Htb=2m; chiều dài tường đầu Hạ lưu từ 3,45m; thượng lưu 3,5m; có tường cánh thượng hạ lưu cống; sân thượng, hạ lưu cống.

3.13. Thực hiện nguồn kinh phí thực hiện dự án: Sửa chữa, nâng cấp trụ sở xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ

- Tổng dự toán phê duyệt: 1.700.000.000 đồng.

- Kế hoạch vốn giao: 1.674.000.000 đồng (Trong đó: năm 2021: 850.000.000 đồng; năm 2022: 824.000.000 đồng).

- Số thanh toán: 1.661.543.000 đồng.

- Kinh phí chưa giải ngân năm 2022: 12.457.000 đồng.

- Giá trị chênh lệch giảm phần khối lượng đã thanh toán: 45.193.280 đồng.

Nguyên nhân chênh lệch: UBND xã nghiệm thu thanh toán thừa một số khối lượng xây lắp như: Lát nền sàn nhà làm việc; khối lượng xây kè chắn đất...

- Kiến nghị giảm trừ khi thanh toán: 12.200.000 đồng[14].

---

[12]. Trong đó có 3m do mở rộng Đường Tỉnh lộ 130 mở rộng vào đường nội đồng.

[13]. Hiện trạng rãnh chịu lực thực tế 43,5m; 5,1m là hiện trạng thuộc Cửa ra, Tường cánh hạ lưu Cống qua đường Tỉnh lộ 130 và 3m do phần nền đường Tỉnh lộ 130 mở rộng vào phần rãnh chịu lực đã thi công.

[14]. Do công trình không có kiểm tra chất lượng công trình của cơ quan chuyên môn, giảm trừ khi thanh toán 10.000.000 đồng; báo cáo thẩm định HSMT + kết quả LCNT giảm trừ khi thanh toán 200.000 đồng.

- Kết quả kiểm tra thực tế một số hạng mục công trình cụ thể:

+ Nhà làm việc 02 tầng: Các kích thước, kết cấu, cửa đi, cửa sổ, vách kính cầu thang; vì kèo thép hình; mái nhà lợp tôn; sơn toàn nhà; lan can cầu thang bằng INOX, thanh số 02 bằng Inox vuông 40mm; thanh số 3 bằng Inox vuông 30mm; bậc cầu thang ốp lát bằng đá. Thiết bị điều hòa 03 cái; quạt treo tường 12 cái; lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng hoàn chỉnh toàn nhà.

+ Sửa chữa bồn cây: Xây bờ bo bồn cây tại khu vực hai bên đường đi từ cổng chính lên sân, tổng chiều dài 16,7m; chiều cao 10cm, tường 110mm, trát VXM.

+ Kè chắn đất đoạn 1 (số 20): Chiều dài 20,6m, kè xây đá hộc; đỉnh kè bằng BTCT, chiều rộng trung bình 0,3m.

+ Kè chắn đất đoạn 2 (số 21): Chiều dài 9,1m, kè xây đá hộc.

+ Kè chắn đất đoạn 3 (số 22): Chiều dài 13,5m, tường xây gạch cao 1,2m.

+ Kè chắn đất đoạn 4 (số 23): Chiều dài dài 5,3m, tường xây gạch cao 1,2m.

+ Sân đường lát gạch 40x40cm.

+ Làm mới cổng chính; sửa chữa cổng phụ.

+ Xây mới nhà ga ra xe: Vị trí đặt và bản vẽ thiết kế thay đổi so với hồ sơ thiết kế được duyệt, tuy nhiên không phê duyệt điều chỉnh thiết kế[15]. Kết cấu cơ bản theo thiết kế duyệt. Kích thước nhà xe 13,1mx3,8m; có 04 vì kèo thép hình, vì kèo cao 0,93m; cột vì kèo thép tròn 90cm, cột cao 2,43m, tổng 08 cột, 06 xà gồ mái + 2 xà gồ néo chân vì kèo, mái lợp tôn; nền nhà kích thước 13,1x3,8m, kết cấu bê tông, ngoài biên xây bo gạch. Bán mái giáp công an xã kích thước 4,6mx4,2m, gồm 5 xà gồ, mái lợp tôn.

- Đến thời điểm thanh tra, UBND xã đã lập hồ sơ báo cáo quyết toán dự án hoàn thành nhưng chưa phê duyệt[16].

3.14. Thực hiện nguồn kinh phí thực hiện dự án: Sửa chữa nhà đoàn thể, tường rào, rãnh thoát nước UBND xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ

- Tổng dự toán phê duyệt: 497.600.000 đồng.

- Kế hoạch vốn giao năm 2022: 497.600.000 đồng.

- Số kinh phí thanh toán: 496.595.000 đồng.

- Đến thời điểm thanh tra, UBND xã chưa lập Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành[17].

III. Việc thực hiện một số nhiệm vụ chi do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ tài khoản tiền gửi

1. Chi hỗ trợ tiền điện thắp sáng cho hộ nghèo

- Năm 2021: Tổng thu, chi ngân sách là 304.200.000 đồng. Kiểm tra chứng từ thu, chi được lập đầy đủ, danh sách cấp phát hỗ trợ có ký nhận đầy đủ. UBND xã đã chi trả cho 507 hộ nghèo *(được phê duyệt theo các quyết định[18] của UBND huyện).*

---

[15]. Hiện trạng đặt nhà ga ra xe giáp khu nhà công vụ Công an xã.

[16]. Ngày 23/11/2021 UBND xã tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình đưa công trình vào sử dụng, nhưng đến ngày 13/4/2023 UBND xã mới trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

[17]. Ngày 14/12/2021 UBND xã tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình đưa công trình vào sử dụng.

- Năm 2022: Tổng thu, chi ngân sách là 418.800.000 đồng. Kiểm tra chứng từ thu, chi được lập đầy đủ, danh sách cấp phát hỗ trợ có ký nhận đầy đủ. Quí 1+2, UBND xã đã chi trả cho 700 hộ nghèo *(được phê duyệt theo các quyết định[19] của UBND huyện)* với tổng số tiền là 210.000.000 đồng; quý 3+4, UBND xã đã chi trả cho 696 hộ nghèo *(được phê duyệt theo các quyết định[20] của UBND huyện Phong Thổ)* với tổng số tiền là 208.800.000 đồng.

Kiểm tra thực tế ở một số hộ nghèo tại 03 bản, chính sách được chi trả đầy đủ.

2. Chi cấp bù miễn thủy lợi phí

- Năm 2021: Tổng thu, chi ngân sách là 141.602.000 đồng, trong đó: Chi hoạt động Ban thủy lợi xã là 16.045.000 đồng, chiếm 11,33% tổng kinh phí; Chi cho hoạt động của các tổ thủy lợi là 125.557.000 đồng, chiếm 88,67% tổng kinh phí *(Trong đó: chi phụ cấp các tổ thủy lợi là 36.860.000 đồng; chi nạo vét kênh mương là 88.697.000 đồng)*. Kiểm tra chứng từ thu, chi cơ bản đảm bảo theo quy định như giấy rút, phiếu thu, phiếu chi, hóa đơn mua vật tư, văn phòng phẩm, bảng chấm công… ; chi hoạt động của Ban quản lý không vượt định mức theo văn bản hướng dẫn số 966/HD-STC-SNN&PTNT ngày 25/10/2017 của liên Sở Tài chính - Nông nghiệp&PTNT tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên, số quyết toán chi hoạt động của Ban quản lý cao hơn chứng từ chi thực tế là 1.140.000 đồng *(không có chứng từ chi)*: Giảm trừ 1.140.000 đồng.

3. Thực hiện hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

- Năm 2022: Tổng thu, chi ngân sách là 202.542.000 đồng. UBND xã thực hiện các bước: Phê duyệt dự toán *(ngày 07/01/2022)*; Họp thống nhất nội dung lựa chọn doanh nghiệp quản lý và khai thác, vận hành các công trình *(ngày 05/5/2022)*; Họp xét chọn hồ sơ đăng ký tham gia thực hiện dự án *(ngày 06/5/2022)*; Thông báo đăng ký tham gia khai thác, quản lý các công trình *(ngày 09/5/2022)*; Thông báo kết quả xét chọn hồ sơ đăng ký *(ngày 09/5/2022);* Biên bản thương thảo hợp đồng *(ngày 10/5/2022)*; Hợp đồng đặt hàng *(ngày 09/5/2022);* Biên bản nghiệm thu *(tại 11 công trình thủy lợi)*.

Tuy nhiên, thời gian thực hiện một số bước chưa hợp lý như: Họp xét hồ sơ đăng ký tham gia *(ngày 06/5)* diễn ra trước ngày thông báo đăng ký tham gia (ngày 09/5) và ngày đăng ký tham gia của doanh nghiệp (ngày 09/5); Biên bản thương thảo hợp đồng (ngày 10/5) diễn ra sau ngày ký kết hợp đồng *(ngày 09/5)*. Thông báo việc đăng ký tham gia khai thác…không có thời gian bắt đầu - kết thúc việc tiếp nhận đăng ký. Hóa đơn GTGT *(số 00000002 ngày 12/01/2023)* xuất sau ngày thanh toán *(UNC số 15T01 ngày 09/01/2023)*.

---

18. Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của UBND huyện Phong Thổ về phê duyệt danh sách hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện quý I, II năm 2021; Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND huyện Phong Thổ về phê duyệt danh sách hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện quý III năm 2021; Quyết định số 3441/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND huyện Phong Thổ về phê duyệt danh sách hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện quý IV năm 2021.

19. Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của UBND huyện Phong Thổ về phê duyệt danh sách hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện quý I năm 2022; Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 09/6/2022 của UBND huyện Phong Thổ về phê duyệt danh sách hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện quý II năm 2022.

20. Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND huyện Phong Thổ về phê duyệt danh sách hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện quý III + IV năm 2022.

C - KẾT LUẬN

1. Ưu điểm, kết quả đạt được

- Cơ bản chấp hành công tác lập, phân bổ, giao, điều chỉnh dự toán theo quy định tại Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính; cơ bản đã công khai dự toán ngân sách, dự toán bổ sung ngân sách; thu - chi ngân sách 04 quí.

- Thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn vượt dự toán được giao.

- Chứng từ thu, chi được sắp xếp gọn gàng, khoa học; các nội dung chi cơ bản được hạch toán đúng mục lục ngân sách và phản ánh đầy đủ vào sổ sách kế toán; Các chế độ chính sách cơ bản được chi trả đầy đủ.

- Quyết toán thu, chi ngân sách được lập và trình HĐND xã phê chuẩn theo quy định tại Điều 15 Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

2. Tồn tại, hạn chế

- UBND xã chưa thực hiện công khai: số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 06 tháng, năm; quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác ở xã;

- UBND xã chưa nộp ngân sách số phí đã thu kịp thời theo niên độ ngân sách với số tiền 760.000 đồng. Chi một số nội dung chưa đảm bảo theo quy định dẫn đến thu hồi ngân sách nhà nước số tiền 17.320.000 đồng;

- UBND xã chưa nghiêm túc chấp hành việc thanh toán không dùng tiền mặt khi thanh toán một số nội dung chi cho cán bộ, công chức xã; chi hỗ trợ các tổ chức, đơn vị ngoài ngân sách đóng trên địa bàn xã chưa thực hiện bố trí dự toán từ đầu năm, hình thức cấp phát, hạch toán chưa đảm bảo theo quy định;

- Công tác quản lý thực hiện dự án có mặt còn hạn chế, chưa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục lựa chọn nhà thầu theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG, lựa chọn nhà thầu tham ra quản lý khai thác một số công trình thủy lợi.

- Chưa lập hồ sơ quyết toán 05 công trình, dự án theo quy định.

- Nghiệm thu thanh toán khối lượng một số công trình không đảm bảo theo quy định dẫn đến phải thu hồi nộp ngân sách nhà nước với tổng số tiền 79.069.775 đồng.

3. Nguyên nhân

- Chủ tịch UBND xã chưa quyết liệt chỉ đạo công tác kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở công chức kế toán trong việc công khai ngân sách. Chưa nghiên cứu kỹ một số văn bản về đầu tư dẫn đến chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định về quy trình lựa chọn nhà thầu và lựa chọn đơn vị quản lý và khai thác, vận hành các công trình thủy lợi; chưa quyết liệt chỉ đạo, đốn đốc việc lập hồ sơ quyết toán 05 công trình. Kiểm tra, kiểm soát khối lượng nghiệm thu một số hạng mục công trình, nghiệm thu thanh toán một số khối lượng xây lắp chưa đảm bảo quy định dẫn đến phải thu hồi nộp ngân sách.

- Kế toán UBND xã chưa chặt chẽ trong việc kiểm tra, tham mưu chế độ chính sách để đảm bảo chi tiêu đúng quy định; kiểm tra, kiểm soát việc nộp ngân sách nhà nước các khoản thu phí; chưa chấp hành thực hiện đầy đủ việc công khai ngân sách.

- Công chức địa chính UBND xã Nậm Xe chưa có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kỹ thuật giao thông, kỹ thuật xây dựng nên khi thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực đầu tư xây dựng còn gặp khó khăn.

4. Trách nhiệm chính về những tồn tại, hạn chế, khuyết điểm

- Ông: Đặng Xuân Thanh - Chủ tịch UBND xã Mường So (nguyên Chủ tịch UBND xã Nậm Xe): Chịu trách nhiệm về công tác kiểm tra, đôn đốc việc: Công khai ngân sách chưa đầy đủ; nộp các khoản thu phí tại xã chưa kịp thời; thu nộp và chi tiêu ngân sách chưa đảm quy định dẫn đến thu hồi ngân sách số tiền 18.080.000 đồng; ký hồ sơ nghiệm thu thanh toán công trình không đảm bảo về khối lượng dẫn đến phải thu hồi với tổng số tiền là 79.069.775 đồng.

- Bà: Đồng Thị Lập - Kế toán UBND xã Hoang Thèn (nguyên kế toán UBND xã Nậm Xe): Chịu trách nhiệm trong việc: Công khai ngân sách; Chịu trách nhiệm chính trong kiểm tra, kiểm soát hồ sơ, tham mưu chi ngân sách chưa đảm bảo quy định dẫn đến phải thu hồi ngân sách số tiền 17.320.000 đồng.

- Ông: Lý Văn Thiết - Công chức Địa chính UBND xã Nậm Xe chịu trách nhiệm trong việc tham mưu cho Chủ tịch UBND xã trong việc kiểm tra, giám sát, nghiệm thu khối lượng công trình.

- Ông: Lò Văn Dinh - Công chức Tư pháp - Hộ tịch: Chịu trách nhiệm trong việc chưa nộp tiền vào ngân sách các khoản phí chứng thực kịp thời số tiền 734.000 đồng.

- Bà: Đèo Thị Thời - Công chức Tư pháp - Hộ tịch: Chịu trách nhiệm trong việc chưa nộp tiền vào ngân sách các khoản phí hộ tịch kịp thời số tiền 26.000 đồng.

D - CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG: Không có.

E - KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Đối với UBND xã Nậm Xe:

- Thực hiện chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế nêu trong kết luận thanh tra; tăng cường công tác quản lý thu, chi ngân sách; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc công khai ngân sách và việc thu phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước.

- Thường xuyên nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến việc quản lý thu, chi ngân sách, về đầu tư xây dựng để thực hiện nhiệm vụ đảm bảo đúng quy định pháp luật; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hồ sơ, chứng từ chi ngân sách đảm bảo chặt chẽ, đúng, đủ theo quy định.

- Chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt.

- Nâng cao chất lượng công tác lập và thẩm định, phê duyệt hồ sơ công trình; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng công trình xây dựng, nghiệm thu, thanh toán khối lượng công trình đảm bảo theo quy định. Công tác quyết toán dự án hoàn thành phải đảm bảo kịp thời theo quy định.

- Niêm yết công khai kết luận thanh tra tại Trụ sở làm việc UBND xã Nậm Xe 20 ngày làm việc liên tục. Báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra gửi Thanh tra huyện sau 30 ngày, kể từ ngày công bố kết luận thanh tra.

2. Xử lý về kinh tế: UBND xã Nậm Xe có trách nhiệm:

- Thu hồi, nộp ngân sách nhà nước số tiền sai phạm phát hiện qua thanh tra 97.149.775 đồng *(bằng chữ: Chín mươi bẩy triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn, bẩy trăm bẩy năm đồng).*

- Giảm trừ khi thanh toán, số tiền: 12.200.000 đồng *(bằng chữ: Mười hai triệu, hai trăm nghìn đồng).*

(Có biểu phụ lục chi tiết kèm theo)

3. Kiến nghị xử lý về hành chính:

Chủ tịch UBND huyện giao cho Phòng Nội vụ tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện chỉ đạo, xử lý theo quy định pháp luật đối với các trường hợp sau:

- Chỉ đạo, hướng dẫn Chủ tịch UBND xã Nậm Xe thực hiện kiểm điểm trách nhiệm đối với ông Lý Văn Thiết - Công chức địa chính UBND xã Nậm Xe do có tồn tại, hạn chế, khuyết điểm nêu trong kết luận thanh tra; ông Lò Văn Dinh và bà Đèo Thị Thời - Công chức Tư pháp - Hộ tịch UBND xã nghiêm túc kiểm điểm rút kinh nghiệm.

- Chỉ đạo, hướng dẫn Chủ tịch UBND xã Hoang Thèn thực hiện kiểm điểm trách nhiệm đối với bà Đồng Thị Lập - Công chức Kế toán UBND xã Hoang Thèn (nguyên Kế toán UBND xã Nậm Xe) do có tồn tại, hạn chế, khuyết điểm nêu trong kết luận thanh tra.

- Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với ông Đặng Xuân Thanh - Chủ tịch UBND xã Mường So (nguyên Chủ tịch UBND xã Nậm Xe) do có tồn tại, hạn chế, khuyết điểm đã nêu trong kết luận thanh tra.

4. Văn phòng HĐND - UBND huyện: Đăng tải kết luận thanh tra trên Trang thông tin điện tử huyện Phong Thổ trong 20 ngày liên tục.

5. Thanh tra huyện: Tổ chức thực hiện việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực kiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra theo quy định.

Trên đây là kết luận thanh tra việc quản lý thu, chi ngân sách và các nguồn thu khác tại UBND xã Nậm Xe huyện Phong Thổ của Thanh tra huyện ./.

Nơi nhận:
- Thanh tra tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- UBKT Huyện ủy;
- Phòng Nội vụ huyện;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- UBND xã Nậm Xe; UBND xã Hoang Thèn; UBND xã Mường So;
- Lưu: VT.

CHÁNH THANH TRA

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
THANH TRA VIỆT NAM
THANH TRA H. PHONG THỔ T. LAI CHÂU

Nguyễn Văn Lương

TỔNG SAI PHẠM KIẾN NGHỊ VỀ KINH TẾ

Đơn vị: UBND xã Nậm Xe

(Kèm theo kết luận thanh tra số 03 /KL-TTr ngày 18 /9/2023 của Thanh tra huyện)

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Stt	Nội dung chi	Số kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước	*Trong đó:*			Số kiến nghị giảm trừ khi thanh toán
			Số Phí đã thu tại xã nhưng chưa được nộp NSNN	*Do chi sai nguồn kinh phí*	*Do chưa đảm bảo quy định, sai chế độ, tiêu chuẩn*	
I	**NĂM 2021**	**11.190.000**	**760.000**	**5.040.000**	**5.390.000**	**-**
1	Chi khám tuyển nghĩa vụ quân sự sai quy định	4.250.000			4.250.000	
2	Chi phô tô hồ sơ công trình, dự án sai nguồn kinh phí	5.040.000		5.040.000		
3	Chi hoạt động Ban quản lý thủy lợi xã (không có chứng từ chi)	1.140.000			1.140.000	
4	Tổng số phí còn lại đã thu tại xã nhưng chưa được nộp ngân sách nhà nước năm 2021+2022	760.000	760.000			
II	**Năm 2022**	**85.959.775**	**-**	**-**	**85.959.775**	**12.200.000**
1	Chi khám tuyển nghĩa vụ quân sự sai quy định	6.890.000			6.890.000	
2	Công trình: Xây mới nhà văn hóa Bản Ngài Trò, xã Nậm Xe	4.610.530			4.610.530	
3	Công trình: Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa Bản Hoàng Liên Sơn 2, xã Nậm Xe	8.760.140			8.760.140	
4	Công trình: Sửa chữa, nâng cấp trụ sở xã Nậm Xe	45.193.280			45.193.280	12.200.000
5	Công trình: Nâng cấp, sửa chữa đường nội đồng Bản Huổi Hán, xã Nậm Xe	20.505.825			20.505.825	
	Tổng cộng:	**97.149.775**	**760.000**	**5.040.000**	**91.349.775**	**12.200.000**